

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)



1. Thông tin chung

- Họ và tên: TRẦN NGỌC HẢI
- Năm sinh: 22/12/1969
- Giới tính: Nam
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): 2005
Viện Công nghệ Châu Á (AIT) – Thái Lan
- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm):
Phó Giáo Sư, năm 2010, Trường Đại học Cần Thơ
Giáo sư, năm 2018, Trường Đại học Cần Thơ

- Ngành, chuyên ngành khoa học: Nuôi trồng thủy sản
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm):
Phó Hiệu Trưởng, Trường Đại học Cần Thơ

- Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Hiệu Trưởng
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo):
Năm 2019, 2020, 2021: Hội đồng Giáo sư cơ sở Trường Đại học Cần Thơ
- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):
.....
- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):
.....

2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình

- a) Tổng số sách đã chủ biên: 02 sách chuyên khảo; 02 giáo trình, 3 sách hướng dẫn kỹ thuật

b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn*).

- 1) **Trần Ngọc Hải** (CHỦ BIÊN), Châu Tài Tảo, Nguyễn Thanh Phương, 2017. Giáo trình **Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác**. Nhà Xuất Bản Đại Học Cần Thơ, 2017. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 157-2017/CXBIPH/30-03/NXB ĐHCT. ISBN: 978-604-919-833-5. Nộp lưu chiểu Quý 4 năm 2017. 211 trang
- 2) **Tran Ngoc Hai**, Truong Hoang Minh, Truong Quoc Phu, 2016. Book chapter - **Chapter 8 - Shrimp Industry in Vietnam**. In *Progress of shrimp and Prawn Aquaculture in the World*. I Chiu Liao, Nai-Hsien Chao and Leano (Editors). Published by: National Taiwan Ocean University, Keelung, Taiwan, The Fisheries Society of Taiwan, Keelung, Taiwan, Asian Fisheries Society, Manila, Philippines, and World Aquaculture Society, Louisiana, USA. **ISBN 978-986-04-7656-9. 181-204 pp**
- 3) **Trần Ngọc Hải**, Lê Quốc Việt, Lý Văn Khánh, Nguyễn Thanh Phương, 2017. Giáo trình **Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá biển**. Nhà Xuất Bản Đại học Cần Thơ, 2017. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 3366-2017/CXBIPH/1-105/NXB ĐHCT. ISBN: 978-604-919-937-0. Nộp lưu chiểu Quý 4 năm 2017. 139 trang.
- 4) **Trần Ngọc Hải**, 2017. **Nguyên lý và Kỹ thuật nuôi cua biển**. NXB Nông nghiệp, 2017. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 3305-2017/CXBIPH/2-208/NN ngày 29/9/2017. ISBN: 978-604-2606-8. Nộp lưu chiểu quý IV/2017. 138 trang
- 5) **Trần Ngọc Hải**, Châu Tài Tảo, 2020. Kỹ thuật ương ấu trùng tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) theo công nghệ Biofloc. NXB Nông nghiệp, 32 trang. ISBN: 9786046032786
- 6) **Trần Ngọc Hải**, Châu Tài Tảo, 2021. Nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) quảng canh cải tiến theo hai giai đoạn áp dụng công nghệ Bioflocs. NXB Nông nghiệp, 32 trang. ISBN: 978604603284
- 7) **Trần Ngọc Hải**, Châu Tài Tảo, 2021. Nuôi tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) siêu thâm canh ứng dụng công nghệ Bioflocs. NXB Nông nghiệp, 32 trang. ISBN: 9786046033059

2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

a) Tổng số đã công bố: **164** bài báo tạp chí trong nước; **39** bài báo tạp chí quốc tế.

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

- Trong nước: 5 năm (2017-2022)

1. Cao Mỹ Ân, **Trần Ngọc Hải**, Lý Văn Khánh, 2017. Ảnh hưởng của mật độ lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá rô phi đỏ (*Oreochromis sp.*) nuôi trong bể theo

- công nghệ biofloc. Tạp chí Khoa học công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, số 02 (75), 105-108, **ISSN 1859-1558**
2. Châu Tài Tảo, **Trần Ngọc Hải**, 2017. Ảnh hưởng của các loại giá thể lên sự phát triển và tỷ lệ sống của ấu trùng ba khía (*Sesarma sederi*) ương trong hệ thống nước xanh. Tạp chí Khoa học công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, số 03 (76), 100-104, **ISSN 1859-1558**
 3. Châu Tài Tảo, Hoàng Văn Lâm, Cao Mỹ Ân và **Trần Ngọc Hải**, 2017. Ảnh hưởng của hỗn hợp dược liệu lên tăng trưởng, tỷ lệ sống và đáp ứng miễn dịch của tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) nuôi thâm canh trong bể. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ số 48B, 10-17, **ISSN 1859-2333**
 4. Châu Tài Tảo, Lý Văn Khánh, **Trần Ngọc Hải**, 2017. Ảnh hưởng tỷ lệ C/N lên tăng trưởng, tỷ lệ sống của ấu trùng và hậu ấu trùng tôm sú (*Penaeus monodon*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ 49b, 64-71, **ISSN 1859-2333**
 5. Lê Quốc Việt, Trần Minh Phú và **Trần Ngọc Hải**, 2017. Đánh giá khả năng thay thế thức ăn công nghiệp bằng khoai lang (*Ipomoea batatas*) trong nuôi tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) theo công nghệ biofloc. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ số 48b, 27-35, **ISSN 1859-2333**
 6. Lý Văn Khánh, Trần Minh Phú, **Trần Ngọc Hải**, Từ Thanh Dung, 2017. Tình hình bệnh trên cá Bóp (*Rachycentron canadum*) và cá Mú (*Epinephelus sp*) nuôi lồng biển ở quần đảo Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Tạp chí Khoa học và công nghệ Biển, tập 17, số 1, 72-78, **ISSN 1859-3097**
 7. **Trần Ngọc Hải** và Lê Quốc Việt, 2017. Đánh giá khả năng thay thế Artemia bằng thức ăn nhân tạo trong ương ấu trùng cua biển (*Sylla paramamosain*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ 49b, 122-127, **ISSN 1859-2333**
 8. **Trần Ngọc Hải**, Lê Quốc Việt. 2017. Thử nghiệm ương ấu trùng cua biển (*Scylla paramamosain*) san thưa ở các giai đoạn khác nhau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ số 48b, 42-48, **ISSN 1859-2333**
 9. Le Quoc Viet, Truong Van Ngan, Tran Minh Phu, **Tran Ngoc Hai**. 2017 Effects of photoperiods on growth and quality of white leg shrimp (*Litopenaeus vannamei*) in biofloc system. Vol 6, 83-92.
 10. Nguyễn Thị Ngọc Anh, Nguyễn Thị Thúy An, Phạm Thị Tuyết Ngân, **Trần Ngọc Hải**. 2017. Nghiên cứu sử dụng rong xanh (*Cladophora sp.*) làm nguồn thức ăn cho cá rô phi (*Oreochromis niloticus*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ số 50b, 119-126, **ISSN 1859-2333**
 11. Lê Quốc Việt, Ngô Thị Hạnh, Trần Minh Phú và **Trần Ngọc Hải**, 2017. Nghiên cứu sử dụng cà rốt (*Daucus carota*) thay thế thức ăn viên trong nuôi tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) theo công nghệ biofloc. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ số 50b, 97-108, **ISSN 1859-2333**.
 12. Lê Quốc Việt, Ngô Thị Hạnh, Trần Minh Phú và **Trần Ngọc Hải**, 2017. Nghiên cứu bổ sung cà rốt (*Daucus carota*) làm thức ăn lên sinh trưởng và chất lượng tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) nuôi theo công nghệ biofloc. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ 49b, 72-83, **ISSN 1859-2333**
 13. Trần Ngọc Hải, Châu Tài Tảo, 2017. Ảnh hưởng của độ mặn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng ba khía (*Sesarma sederi*). Tạp chí NN & PTNT số 3+4/2017, 183-189, **ISSN 1859-4581**
 14. Nguyễn Thị Ngọc Anh, Đinh Thanh Hồng, **Trần Ngọc Hải**. 2016. Khảo sát sinh lượng và tác động của rong xanh (*Cladophoraceae*) trong đầm nuôi tôm quảng

- canh cải tiến ở tỉnh Bạc Liêu và Cà Mau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ số 51b, 95-105, **ISSN 1859-2333**
15. Dương Thúy Yên, , Bùi Thị Liên Hà, **Trần Ngọc Hải** và Nguyễn Thanh Phương, **2017**. Những thành tựu trong nghiên cứu chuyển giới tính tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii* de man, 1879). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, số 51b, 64-71, **ISSN 1859-2333**
 16. **Tran Ngọc Hai**, Huong, H.K., Viet, L.Q., Huong, D.T.T. and Phuong, N.T., 2017. Giant freshwater prawn (*Macrobrachium rosenbergii* de Man, 1879) farming in brackish water areas of the Mekong Delta, Vietnam. Can Tho University Journal of Science. 7: 82-90. **ISSN 1859-2333**
 17. Khanh, L.V., **Hai, T.N.**, Phuong, N.T. and Son, V.N., 2018. Effects of different C:N ratios on growth and survival of spotted scat (*Scatophagus argus*) in the biofloc system. Can Tho University Journal of Science. 54(8): 105-113. **ISSN 1859-2333**
 18. Lê Quốc Việt và **Trần Ngọc Hải**, 2018. Ương ấu trùng cua biển (*Scylla paramamosain*) với các mật độ khác nhau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(Số chuyên đề: Thủy sản)(1): 9-12. **ISSN 1859-2333**
 19. **Trần Ngọc Hải** và Lê Quốc Việt, 2018. Thực nghiệm ương ấu trùng tôm sú (*Penaeus monodon*) với các mô hình khác nhau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(7B): 118-125. **ISSN 1859-2333**
 20. Lê Quốc Việt và **Trần Ngọc Hải**, 2018. Thực nghiệm nuôi tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) trong bể với các mật độ khác nhau theo công nghệ biofloc. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(7B): 94-101. **ISSN 1859-2333**
 21. **Trần Ngọc Hải**, Châu Tài Tảo, Phạm Văn Đầy, 2018. NGHIÊN CỨU ƯƠNG ẤU TRÙNG TÔM CÀNG XANH (*Macrobrachium rosenbergii*) BẰNG CÔNG NGHỆ BIOFLOC VỚI CÁC NGUỒN CACBON KHÁC NHAU. Tạp chí Khoa học công nghệ nông nghiệp Việt Nam, Số 10 (95) (2018) Trang: 125-129. . **ISSN 1859-1558**.
 22. Châu Tài Tảo, Lý Văn Khánh và **Trần Ngọc Hải**, 2018. Nghiên cứu ương ấu trùng tôm sú (*Penaeus monodon*) bằng công nghệ biofloc từ nguồn carbohydrate rỉ đường bổ sung ở các giai đoạn khác nhau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(Số chuyên đề: Thủy sản)(1): 27-34. **ISSN 1859-2333**
 23. Lê Quốc Việt và **Trần Ngọc Hải**, 2018. Ảnh hưởng của mức nước, mật độ ương và lượng giá thể khác nhau lên tỷ lệ sống của ấu trùng cua biển (*Scylla paramamosain*) giai đoạn megalop đến cua 1. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(3B): 132-137. **ISSN 1859-2333**
 24. Nguyễn Thị Ngọc Anh, Nguyễn Hoàng Vinh, Lam Mỹ Lan và **Trần Ngọc Hải**, 2019. Ảnh hưởng của các mức cho ăn khác nhau lên chất lượng nước, tăng trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn của tôm sú (*Penaeus monodon*) nuôi kết hợp với rong câu chỉ (*Gracilaria tenuistipitata*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(3B): 111-122. **ISSN 1859-2333**
 25. Ngô Thị Thu Thảo, Trần Cẩm Loan, Cao Mỹ Án và **Trần Ngọc Hải**, 2019. Sinh trưởng và năng suất của hào *Crassostrea belcheri* có nguồn gốc khác nhau được nuôi trong ao tôm quảng canh tại tỉnh Cà Mau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(4B): 113-122. **ISSN 1859-2333**
 26. **Trần Ngọc Hải**, Trần Thị Thanh Hiền, Trương Quốc Phú, Trần Thị Tuyết Hoa, Lê Quốc Việt, Lý Văn Khánh, Trần Nguyễn Duy Khoa và Châu Tài Tảo, 2019.

- Nghiên cứu bổ sung nguồn carbon ở các giai đoạn khác nhau trong ương ấu trùng tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) bằng công nghệ biofloc. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(3B): 141-148. **ISSN 1859-2333**
27. Hứa Thái Nhân, Đào Minh Hải, Dương Thúy Yên, Võ Nam Sơn, Phạm Minh Đức và **Trần Ngọc Hải**, 2019. Hiện trạng và tiềm năng phát triển nuôi cầu gai ở vùng biển Kiên Giang, Việt Nam. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(1B): 38-47.
 28. Lê Quốc Việt và **Trần Ngọc Hải**, 2019. Ảnh hưởng của số lần cho ăn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng cua biển (*Scylla paramamosain*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(5B): 42-47. **ISSN 1859-2333**
 29. Châu Tài Tảo, Lý Văn Khánh, **Trần Ngọc Hải**, Lê Quốc Việt, Cao Mỹ Án, Phùng Văn Toàn, Đoàn Hữu Nghị và Hồ Văn Việt, 2019. Nghiên cứu ương ấu trùng tôm sú (*Penaeus monodon*) bằng công nghệ biofloc ở các mật độ khác nhau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(4B): 64-71. **ISSN 1859-2333**
 30. Lê Quốc Việt, Trần Minh Phú, Lê Văn Thông và **Trần Ngọc Hải**, 2019. Nghiên cứu nuôi cá kèo (*Pseudapocryptes elongatus*) trong bể với các mật độ khác nhau theo công nghệ biofloc. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(4B): 97-104. **ISSN 1859-2333**
 31. **Trần Ngọc Hải**, Phạm Văn Đầy, Cao Mỹ Án và Châu Tài Tảo, 2019. Nghiên cứu ương ấu trùng tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) bằng công nghệ biofloc với các mật độ khác nhau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(2B): 79-87. **ISSN 1859-2333**
 32. Lê Quốc Việt, Trần Minh Phú và **Trần Ngọc Hải**, 2019. Ảnh hưởng tỷ lệ C:N khác nhau lên tăng trưởng và tỷ lệ sống trong ương giống cá kèo (*Pseudapocryptes elongates*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(3B): 88-95. **ISSN 1859-2333**
 33. Phạm Minh Truyền, Lê Thanh Nghị, Châu Tài Tảo, Nguyễn Văn Hòa, **Trần Ngọc Hải**, 2020. Nghiên cứu ương ấu trùng tôm càng xanh theo công nghệ Bioflocs với các tỷ lệ C/N khác nhau. Tạp chí Khoa học Công nghệ nông nghiệp Việt Nam. Số 1 (110) 2020. Trang 102-108. **ISSN 1859-1558**.
 34. Châu Tài Tảo, Trần Nguyễn Duy Khoa, Nguyễn Văn Hòa, **Trần Ngọc Hải**, 2020. Nghiên cứu ương ấu trùng tôm chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) theo công nghệ biofloc với các nguồn carbon bổ sung khác nhau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 56 (Số chuyên đề: Thủy sản) (2): 29-36.
 35. Lý Văn Khánh, Cao Mỹ Án và **Trần Ngọc Hải**, 2020. Ảnh hưởng của thức ăn khác nhau lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá chim vây vàng (*Trachinotus blochii*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 56(Số chuyên đề: Thủy sản)(2): 43-47.
 36. Nguyễn Hoàng Vinh, Nguyễn Thị Ngọc Anh và Trần Ngọc Hải, 2020. Nghiên cứu khả năng hấp thụ đạm (N) và lân (P) trong nước thải từ nuôi tôm sú thâm canh của rong câu chỉ (*Gracilaria tenuistipitata*) ở các mật độ và chế độ sục khí khác nhau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 56 (Số chuyên đề: Thủy sản) (2): 59-69.
 37. Nguyễn Văn Hòa, Trần Ngọc Hải, Takeshi Terahara và Châu Tài Tảo, 2020. Ảnh hưởng của bổ sung probiotic trong ương ấu trùng tôm chân trắng (*Litopenaeus vannamei* Boone, 1931) theo công nghệ biofloc. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 56(4B): 146-153.

38. Tảo, C. T., Hòa, N. V., & Hải, T. N. (2021). Nghiên cứu ương ấu trùng tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei* Boone, 1931) theo công nghệ biofloc bằng cách bổ sung đường cát để đạt các tỷ lệ C/N khác nhau. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, 57(CĐ Thủy Sản), 26-32. <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2021.060>
39. Khánh, L. V., Án, C. M., Khoa, T. N. D., & Hải, T. N. (2022). ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỘ MẶN LÊN TĂNG TRƯỞNG VÀ TỶ LỆ SỐNG CỦA CÁ CHIM VÂY VÀNG (*Trachinotus blochii*) GIỐNG ƯƠNG TRONG HỆ THỐNG TUẦN HOÀN. Tạp Chí Khoa học Và công nghệ nông nghiệp Trường Đại học Nông Lâm Huế, 6(1), 2791–2797. <https://doi.org/10.46826/huaf-jasat.v6n1y2022.842>
40. Vinh, N. H., Anh, N. T. N., & Hải, T. N. (2022). Ảnh hưởng của các mức bổ sung dinh dưỡng lên sự sinh trưởng, hiệu suất và đặc tính gel agar của rong câu chỉ (*gracilaria tenuistipitata*) ở điều kiện thí nghiệm. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, 58(3), 231-239. <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2022.061>
41. Hải, T. N., & Việt, L. Q. (2022). Phát triển hệ thống nuôi siêu thâm canh tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) trong hệ thống tuần hoàn kết hợp đa loài, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, 58(SDMD), 91-103. <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2022.195>

- Quốc tế: 5 năm (2017-2022)

1. Masayuki Sato, Koji Yachiguchi, Keiichi Motohashi, Yukio Yaguchi, Yoshiaki Tabuchi, Yoichiro Kitani, Takahiro Ikari, Shouzo Ogiso, Toshio Sekiguchi, **Tran Ngoc Hai**, Do Thi Thanh Huong, Nguyen Viet Hoang, Makoto Urata, Hiroyuki Mishima, Atsuhiko Hattori, Nobuo Suzuki, 2017. Sodium fluoride influences calcium metabolism resulting from the suppression of osteoclasts in the scales of nibbler fish *Girella punctata*. Fisheries science, 83, 543-550. **ISSN 0919-9268 (print) 1444-2906 (online). ISI- IF 0.929**
2. Nguyen Van Hoa, Ta Van Phuong, **Tran Ngoc Hai**, Chau Tai Tao, Le Quoc Viet, Nguyen Thi Hong Van, Huynh Thanh Toi, Tran Huu Le, Vo Nam Son and Pham Quoc Anh Duy, 2017. Applied Biofloc Technology for Target Species in the Mekong Delta in Vietnam: A Review. Journal of Environmental Science and Engineering B 6 (2017) 165-175 doi:10.17265/2162-5263/2017.04.001. **ISN 2162-5263 (Print) ISSN 2162-5271 (online).**
3. Pham Minh Duc, Tran Thi Tuyet Hoa, Chau Tai Tao, Cao My An, Hua Thai Nhan, **Tran Ngoc Hai**, Tran Thi Thanh Hien and Satoru Onoda, **2017**. Effects of heat-killed *Lactobacillus plantarum* strain L-137 on larvae quality and growth performance of white leg shrimp (*Litopenaeus vannamei*) juveniles. International Journal of Scientific and research publications. 7(7), 41-48. **ISSN 2250-3153**
4. Nguyễn Thị Ngọc Anh, **Trần Ngọc Hải**, Nguyễn Văn Hòa and Trần Thị Thanh Hiền, 2017 Use of locally available ingredients as protein source in practical diets for nursing of black tiger shrimp (*Penaeus monodon*) postlarvae. 20-23pp. Book of abstract & short communication Larvi 2017 7th fish & shellfish larviculture symposium, september 4-7, 2017, Ghent University, Belgium. Book of Abstracts and short communication. **ISBN. 978-9-4619755-4-6**

5. Sekiguchi Toshio, **Trần Ngọc Hải**, Suzuki Nobuo, Srivastav Ajai K, Amornsakun Thumronk, Kurokawa Tadahide, Suzuki Tohru, 2018. Molecular Characterization of Putative Calcitonin Gene-Related Peptide Receptors and Expression of Calcitonin Gene-Related Peptide and its Receptor in the Early Development of Flounder, *Paralichthys olivaceus*. International Journal of Zoological Investigations. Vol. 4, No. 2 (2018) pp: 107-116. **ISSN : 2454-3055, ISI – IF 2.984**
6. Takashi Takagi, **Trần Ngọc Hải**, Nobuo Suzuki, Atsuhiko Hattori, Ajai K. Srivastav, Yoichiro Kitani, Yoshiaki Tabuchi, Toshio Sekiguchi, Hajime Matsubara, Takushi X. Watanabe ., Yuichi Sasayama, Thumronk Amornsakun, 2019. Development of a system for measuring calcitonin in the stingray *Dasyatis akajei* (a cartilaginous fish): the possible involvement of stingray calcitonin in gonadal development. Int Aquat Res. (2019) 11:267–276 (2019) pp: 267-276. **ISSN 20086970, 20084935; Scopus IF 0.9**
7. Nguyễn Thị Ngọc Anh, **Trần Ngọc Hải**, Lam Mỹ Lan, Bùi Nguyễn Thu An, 2019. Integrating different densities of white leg shrimp *Litopenaeus vannamei* and red seaweed *Gracilaria tenuistipitata* in the nursery phase: effects on water quality and shrimp performance. Journal of Applied Phycology, Volume 31, Number 5 (2019), pp: 3223-3234. **ISSN: 0921-8971 (Print) 1573-5176 (Online), SCI - IF 2.635.**
8. Ngô Thị Thu Thảo, **Trần Ngọc Hải**, Cao Mỹ Án, Yasuhiko Taki, Kwang-Sik Choi, 2018. Seasonal changes of reproductive cycle and proximate compositions in *Cerithidea obtusa* from Ca Mau mangrove forest, Vietnam. International Journal of Scientific and Research Publications. Volume 8, Issue10 (2018) pp: 561-569 . **ISSN 2250-3153**
9. Nguyễn Thị Ngọc Anh, **Trần Ngọc Hải**, Nguyễn Hoàng Vinh, Luong Thi Hong Ngan, 2018. Co-Culture of Red Seaweed (*Gracilaria tenuistipitata*) and Black Tiger Shrimp (*Penaeus monodon*) with Different Feeding Rations. International Journal of Scientific and Research Publications. 8(9) (2018) pp: 269-177. **ISSN 2250-3153**
10. Le Quoc Viet, **Tran Ngoc Hai**, Nguyen Quoc Thinh, Tran Minh Phu, 2018. The possibility of sweet potato (*Ipomoea batatas*) addition as feed for white leg shrimp (*Litopenaeus vannamei*) under biofloc rearing condition. International Journal of Scientific and Research Publications. Volume 8, Issue 2 (2018) pp: 134-140. **ISSN 2250-3153**
11. Nguyen Thị Ngọc Anh, Tran Thi Thanh Hien, **Tran Ngoc Hai**, 2018. Effects of partial replacement of fishmeal protein with green seaweed (*Cladophora* spp.) protein in practical diets for the black tiger shrimp (*Penaeus monodon*) postlarvae. Journal of Applied Phycology. 30 (2018) pp: 2649-2658. **ISSN 0921-8971, Scopus, SCI, IF 2.635**
12. Dang Diem Tuong, Nguyen Thanh Phuong, **Tran Ngoc Hai**, Do Thi Thanh Huong, Vo Thi Nhu Huynh, Tran Bao Ngoc, Mark Bayley, Tobias Wang, 2018. Clown knifefish (*Chitala ornata*) oxygen uptake and its partitioning in present and future temperature environments. Comparative Biochemistry and Physiology, Part A. 216 (2018) pp: 52-59. **ISSN 0300-9629. Scopus IF 2.142**
13. **Tran Ngoc Hai***, Chau Tai Tao, Tran Nguyen Duy Khoa, Ly van Khanh and Nguyen Thi Ngọc Anh, 2020. Nursery of the Black Tiger Shrimp *Penaeus Monodon* Postlarvae in a Biofloc System with Different Carbon Sources.

- Oceanography & Fisheries Open Access Journal (OFOAJ). Volume 11 Issue 5 - February 2020. pp. 0077-0084. ISSN: 2476-0536. DOI: 10.19080/OFOAJ.2020.11.555821. ePub Audio FullText PDF
14. Tran Nguyen Duy Khoa*, Chau Tai Tao, Ly Van Khanh, **Tran Ngoc Hai***, 2020. Super-intensive culture of white leg shrimp (*Litopenaeus vannamei*) in outdoor biofloc systems with different sunlight exposure levels: Emphasis on commercial applications. *Aquaculture*, Volume 524, 15 July 2020, 735277. ISSN: 0044-8486. ISI, IF 3.022
 15. **Tran Ngoc Hai**, Nguyen Thanh Phuong, Nguyen Van Hoa, Nguyen Thi Ngoc Anh, Ly Van Khanh, Le Quoc Viet, Chau Tai Tao, Ngo Thi Thu Thao, Patrick Sorgeloos. 2020. PROMOTING COASTAL AQUACULTURE FOR ADAPTATION TO CLIMATE CHANGE AND SALTWATER INTRUSION IN THE MEKONG DELTA, VIETNAM. *World Aquaculture*. 6/2020. 19-26
 16. Nguyen Thi Ngoc Anh, **Tran Ngoc Hai**, Lam My Lan, Nguyen Hoan Vinh, Bui Nyuen Thu An, 2020. POLY-CULTURE OF BLACK TIGER SHRIMP *PENAEUS MONODON* AND RED SEAWEED *GRACILARIA TENUISTIPITATA* UNDER DIFFERENT DENSITIES: EFFECTS ON WATER QUALITY, POST-LARVAE PERFORMANCE AND THEIR RESISTANCE AGAINST *VIBRIO PARAHAEMOLYTICUS*. *Journal of Applied Phycology*. 32. 4333–43
 17. Nguyen Minh Khiem, Yuki Takahashi, Dang Thi Hoang Oanh, **Tran Ngoc Hai**, Hiroki Yasuma, Nobuo Kimura, 2020. The use of machine learning to predict acute hepatopancreatic necrosis disease (AHPND) in shrimp farmed on the east coast of the Mekong Delta of Vietnam. *Fisheries Science*, Volume 86, pages 673–683(2020).
 18. Tran Huu Tinh, Tom Koppenol, **Tran Ngoc Hai**, Johan AJ Verreth, Marc CJ Verdegem, 2021. Effects of carbohydrate sources on a biofloc nursery system for whiteleg shrimp (*Litopenaeus vannamei*). *Aquaculture* Volume 531, 30 January 2021, 735795. <https://doi.org/10.1016/j.aquaculture.2020.735795>
 19. Tran Huu Tinh, **Tran Ngoc Hai**, Johan AJ Verreth, Marc CJ Verdegem, 2021. Effects of carbohydrate addition frequencies on biofloc culture of Pacific white shrimp (*Litopenaeus vannamei*). *Aquaculture*. Volume 534, 15 March 2021, 736271. <https://doi.org/10.1016/j.aquaculture.2020.736271>
 20. Nguyen Minh Khiem, Yuki Takahashi, Hiroki Yasuma, Dang Thi Hoang Oanh, **Tran Ngoc Hai**, Vu Ngoc Ut, Nobuo Kimura, 2022. Use of GIS and machine learning to predict disease in shrimp farmed on the east coast of the Mekong Delta, Vietnam. *Fisheries Science*, 2022, 88(1-13)
 21. Nguyen Thi Ngoc Anh, Nguyen Hoang Vinh, Dang Trung Doan, Lam My Lan, Akira Kurihara, **Tran Ngoc Hai**, 2022. Co-culture of red seaweed *Gracilaria tenuistipitata* and black tiger shrimp *Penaeus monodon* in an improved extensive pond at various stocking densities with partially reduced feed rations: a pilot-scale study. *Journal of Applied Phycology*, 34, pages 1109–1121 (2022)
 22. TH Tinh, F Kokou, TN Hai, JAJ Verreth, MCJ Verdegem, 2023. Effects of feed, carbohydrate addition and stocking density on Pacific white shrimp (*Litopenaeus vannamei*) production. *Aquacultural Engineering* 101, 102325
 23. NM Khiem, Y Takahashi, H Yasuma, DTH Oanh, TN Hai, VN Ut, N Kimura, 2023. Use of GIS and machine learning to predict disease in shrimp farmed on the east coast of the Mekong Delta, Vietnam, *Fisheries Science*, 1-1
 24. HT Toi, NTN Anh, PTT Ngan, TNH Nam, TN Hai, 2023. Effects of stocking densities and seaweed types as shelters on the survival, growth, and productivity of juvenile mud crabs (*Scylla paramamosain*). *The Egyptian Journal of Aquatic Research*

2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: cấp Nhà nước; **12** cấp Bộ và tương đương.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

| T T | Tên CT, ĐT | Vai trò | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Ngày nghiệm thu |
|--------|---|-----------|---|---------------------|-----------------|
| 1 | ĐT: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất giống cá bớp (<i>Rachycentron canadum</i> , Linnaeus 1766) tại huyện Kiên Hải, Kiên Giang | Chủ nhiệm | Cấp tỉnh, MS: DP 2010-15 Sở Khoa học & Công nghệ Tỉnh Kiên Giang | 7/2010-11/2013 | 06/10/2014 |
| 2 | ĐT: Gia hóa và chọn lọc tôm càng xanh bố mẹ phục vụ sản xuất giống ở Đồng Tháp | Chủ nhiệm | Cấp tỉnh, MS: DP2011-02, Sở Khoa học & Công nghệ Tỉnh Đồng Tháp | 6/2011-11/2014 | 28/01/2015 |
| 3 | Nghiên cứu xây dựng và ứng dụng quy trình ương ấu trùng và ương giống tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) chất lượng cao bằng công nghệ Bioflocs | Chủ nhiệm | Số 21/HĐ-CPU Đề tài thuộc dự án thích ứng biến đổi khí hậu ở ĐBSCL (AMD Tỉnh Trà Vinh) | 9/2016-8/2018 | 2/7/2019 |
| 4 | Phân tích chuỗi giá trị hàng tôm và xây dựng mô hình nuôi tôm mang lại hiệu quả kinh tế cao cho vùng Tây Nam Bộ | Thư ký | Đề tài Tây Nam Bộ - Đại học Quốc Gia TP HCM và Bộ KH-CN MS: KH-CN-TNB.ĐT/14-19/C07 | 4/2017-4/2020 | Tháng 3/2021 |
| 5 | Khái niệm về hệ thức ăn dinh dưỡng trong ao nuôi để sản xuất tôm, cá chất lượng | Chủ nhiệm | EUNETH010-16NCTS - Hợp tác quốc tế (Do | 2015 - 2019 | Kết thúc 2019 |

| | | | | | |
|---|---|-----------|--|----------------|--------------|
| | | | WOTRO – Hà Lan tài trợ) | | |
| 6 | Phát triển công nghệ cao trong nuôi thủy sản – Green technology innovation in aquaculture | Chủ nhiệm | F2 – Chương trình nghiên cứu Dự án Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ do JICA tài trợ | 1/2018-12/2020 | Tháng 6/2021 |

2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có: sáng chế, giải pháp hữu ích
- Tổng số có: tác phẩm nghệ thuật
- Tổng số có: thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (*tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp*):

2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

a) Tổng số: 03 NCS đã hướng dẫn chính

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn*):

| Họ và tên NCS | Tên Luận án | Cơ sở đào tạo | Năm bảo vệ | Hướng dẫn |
|-------------------|--|------------------------|------------|-----------|
| Huỳnh Kim Hương | Nghiên cứu hiện trạng và một số đặc điểm sinh học tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii De Man, 1879</i>) nuôi trong môi trường nước lợ | Trường Đại học Cần Thơ | 2016 | Chính |
| Phạm Công Kinh | Đánh giá hiệu quả tài chính và kỹ thuật của các hình thức sản xuất và đề xuất giải pháp nuôi tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) thâm canh ở ĐBSCL | Trường Đại học Cần Thơ | 2017 | Chính |
| Lê Thị Phương Mai | Nghiên cứu tác động của xâm nhập mặn và khả năng thích ứng trong nuôi trồng thủy sản ở ĐBSCL | Trường Đại học Cần Thơ | 2017 | Chính |

3. Các thông tin khác

3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình (Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...):

Tạp chí:

- 1) Dương Nhật Long, **Trần Ngọc Hải**, 1993. Thục nghiệm gây nuôi khuê tảo *Skeletonema costatum* ở trại tôm giống Gành Hào – Minh Hải. Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Cần Thơ, Phần Nuôi trồng Thủy sản, 56-60.
- 2) Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Thanh Phương, **Trần Ngọc Hải**, 1997. Những vấn đề về kỹ thuật và kinh tế xã hội trong mô hình tôm - rừng ở Huyện Ngọc Hiển (Cà Mau). Tuyển tập báo cáo khoa học Hội nghị Sinh học biển toàn quốc Lần thứ nhất. NXB Khoa học và kỹ thuật, 444-452. Giấy phép xuất bản số 311-87-2 của Cục xuất bản cấp ngày 1/8/1997. Nộp lưu chiểu tháng 2/1998.
- 3) **Trần Ngọc Hải**, Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Thanh Phương, Anuar Hassan, 1997. Ảnh hưởng của các loại thức ăn khác nhau lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng cá lăng, *Mystus nemurus*. Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học công nghệ. Trường Đại học Cần Thơ 1993-1997. Phần Nông nghiệp 1, 148-157. Giấy phép xuất bản số 3426/GPXB của Bộ Văn Hóa Thông tin cấp ngày 20/11/1995
- 4) **Trần Ngọc Hải**, Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Lê Hoàng Yến, Lê Bảo Ngọc, Trần Thị Tuyết Hoa, 1999. Ương ấu trùng tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) với các loại thức ăn và chế độ cho ăn khác nhau trong mô hình nước xanh cải tiến. Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học Đại học Cần Thơ, Nông Nghiệp – Phần II, 167-171. Giấy phép xuất bản số 3426/GPXB của Bộ Văn Hóa Thông tin cấp ngày 20/11/1995.
- 5) **Trần Ngọc Hải**, A.B. Hassan, Law A.T., Noor Azhar Shazili, 2002. Một số vấn đề trong nuôi vỗ và sinh sản cua biển (*Scylla sp*). Tạp chí khoa học ĐHC, Quyển 4, 236-241. **Giấy phép xuất bản số 3426/GPXB** của Bộ Văn Hóa Thông tin cấp ngày 20/11/1995.
- 6) **Trần Ngọc Hải**, Anuar Hassan, Law A. T, Noor Azhar Shazili, 2002. Ảnh hưởng của nhiệt độ, độ mặn và mật độ ấp trứng lên khả năng nở của trứng cua biển (*Scylla sp*) trong điều kiện ấp tự nhiên và ấp nhân tạo. Tạp chí khoa học ĐHCT, Quyển 4, 163-168. **Giấy phép xuất bản số 3426/GPXB** của Bộ Văn Hóa Thông tin cấp ngày 20/11/1995.
- 7) **Trần Ngọc Hải**, Nguyễn Thanh Phương, Đặng Hữu Tâm, 2002. Một số vấn đề về kỹ thuật trong sản xuất giống tôm biển ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Tạp chí khoa học ĐHCT. Quyển 4, 300-304. **Giấy phép xuất bản số 3426/GPXB** của Bộ Văn Hóa Thông tin cấp ngày 20/11/1995.
- 8) **Trần Ngọc Hải**, Nguyễn Thanh Phương, Trần Thị Thanh Hiền, Nguyễn Lê Hoàng Yến, Lê Bảo Ngọc, Hồ Văn Việt, 2002. Thay thế Artemia bằng thức ăn chế biến trong ương ấu trùng tôm càng xanh theo mô hình nước xanh cải tiến. Tạp chí khoa học ĐHCT. **Giấy phép xuất bản số 3426/GPXB** của Bộ Văn Hóa Thông tin cấp ngày 20/11/1995. Quyển 4. 305-312.
- 9) **Tran Ngoc Hai**, Nigel Preston, Donna Brennan, 2003. Shrimp hatchery production in two coastal provinces of the Mekong Delta. In “Rice-Shrimp

- Farming in the Mekong Delta: Biophysical and Socioeconomic Issues” (N. Preston and H. Clayton –eds). ACIAR Technical Report No. 52, 44-52. **ISBN 1 86320 365 6**.
- 10) **Trần Ngọc Hải**, Nguyễn Thanh Phương, Trần Văn Việt, 2003. Khảo sát sự biến động của giống và tình hình khai thác giống cua ở vùng ven biển phía Tây Nam đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Thủy sản, số 3, 23-24. **ISSN 0866**.
 - 11) **Trần Ngọc Hải** và Trương Trọng Nghĩa, 2004. Ảnh hưởng của mật độ ương lên sự phát triển và tỷ lệ sống của ấu trùng cua biển (*Scylla paramamosain*) trong mô hình nước xanh. Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ, Chuyên ngành Thủy Sản, Trang 187-192. Giấy phép xuất bản số **3426/GPXB** của Bộ Văn Hóa Thông tin cấp ngày 20/11/1995. Nộp lưu chiểu 5/2004.
 - 12) **Tran Ngoc Hai**, Amararatne Yakupitiyage, 2005. The effect of the decomposition of mangrove leaf litter on water quality, growth and survival of black tiger shrimp (*Penaeus monodon* Fabricus, 1789). Aquaculture, ELSERVER. 250 (3-4), 700-712. **ISSN: 0044-8486 - ISI (IF: 2,57)**
 - 13) Tran Thi Thanh Hien, **Tran Ngoc Hai**, Nguyen Thanh Phuong, Hiroshi Y. Ogata and Marcy N. Wilder, 2005. The effects of dietary lipid sources and lecithin on the production of giant freshwater prawn *Macrobrachium rosenbergii* larvae in the Mekong Delta region of Vietnam. *Fisheries Science*, [Blackwell Publishing](#). 71 (2), 279-286. **ISSN 0919-9268. ISI (IF: 0,839)**
 - 14) Nguyen Thanh Phuong, **Tran Ngoc Hai**, Tran Thi Thanh Hien, Tran Van Bui, Do Thi Thanh Huong, Vu Nam Son, Yahinori Morooka, Yutaka Kufuda and Marcy N. Wilder, 2006. Current status of freshwater prawn culture in Vietnam and the development and transfer of seed production technology. *Fisheries Science*, [Blackwell Publishing](#). 72. 1-1. **ISSN 0919-9268. ISI (IF: 0,839)**
 - 15) **Trần Ngọc Hải**, A. Yakupitiyage, Trần Minh Nhứt, 2006. Nghiên cứu chất lượng nước và tôm tự nhiên trong các mô hình tôm rừng ở Cà Mau. Tạp chí Khoa học – ĐHCT. Số chuyên đề thủy sản, Quyển 1, 8-19. Giấy phép xuất bản số **3426/GPXB** của Bộ Văn Hóa Thông tin cấp ngày 20/11/1995.
 - 16) **Trần Ngọc Hải**, Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Anh Tuấn, Phạm Minh Đức, 2006. Nuôi cua lột (*Scylla sp.*) trong hệ thống bể tuần hoàn với các loại thức ăn và mật độ khác nhau. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ. Số chuyên đề Thủy sản. Quyển 2, 159-170. Giấy phép xuất bản số **3426/GPXB** của Bộ Văn Hóa Thông tin cấp ngày 20/11/1995
 - 17) **Trần Ngọc Hải** và Trần Minh Nhứt, 2008. Ảnh hưởng của mật độ ương, artemia và giá thể lên sự phát triển và tỷ lệ sống ấu trùng ghẹ xanh (*Portunus pelagicus*). Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ, Số chuyên đề thủy sản, Quyển 2, 124-132. **ISSN:1859-2333**.
 - 18) **Trần Ngọc Hải**, Nguyễn Tấn Nhơn, 2009. Phân tích kỹ thuật và hiệu quả kinh tế ương cá giống và nuôi thương phẩm cá kèo ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, Số 11, 380-389. **ISSN:1859-2333**
 - 19) **Trần Ngọc Hải**, Nguyễn Thanh Phương, 2009. Hiện trạng kỹ thuật và hiệu quả kinh tế của các trại sản xuất giống cua biển Đồng bằng Sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, Số 11, 279-288 **ISSN:1859-2333**.
 - 20) **Tran Ngoc Hai**, Nguyen Thanh Phuong, Nguyen Tan Nhon, 2009. Intensive farming of the goby fish in the Mekong Delta, Vietnam. *AQUA Culture AsiaPacific Magazine*,. Vol 5May / June 2009, No 3, 39-40. **ISBN 1793-0561**

- 21) **Tran Ngoc Hai**, Nguuyen Thanh Phuong and Tran Thi Thanh Hien, 2009. Seed production of giant freshwater prawn (*Macrobrachium rosenbergii*) applying modified greenwater system in the Mekong dewlta, Viet Nam. In: S.S. Sirag, A. Christianus and S.K. Daud (eds). Giant Malaysia prawn “Transforming the indusatry technicological innovation”. Proceedings of the International seminar on the giant Malaysia prawn 28th–29th March 2008. Kuala Lumpur, Malaysia. Malaysian Fisheries Society, 79-89. **ISBN: 978-983-43823-1-5**
- 22) Lê Quốc Việt, **Trần Ngọc Hải**, Nguyễn Anh Tuấn, 2010. Ảnh hưởng của mật độ lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá đoi (*Liza subviridis*) ương trong giai. Tạp chí khoa học - Đại học Cần Thơ, Quyển 14, 205 – 212. **ISSN:1859-2333**.
- 23) Lý Văn Khánh, Cao Mỹ Ân và **Trần Ngọc Hải**, 2010. Ảnh hưởng của các loại thức ăn lên tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá chêm (*Lates calcarifer* Bloch, 1970). Tạp chí Khoa học- Đại học Cần Thơ. số 16a, 81-90. **ISSN:1859-2333**.
- 24) **Trần Ngọc Hải**, Lê Quốc Việt, Lý Văn Khánh, Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Anh Tuấn, 2013. Nghiên cứu sản xuất giống các loài cá nước lợ - mặn bản địa ở đồng bằng sông cử Long. Tạp chí nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn, 12, 143-148. **ISSN 1859-4581**
- 25) Vu Nam Son, Nguyen Thanh Phuong, **Tran Ngoc Hai** and Amararatne Yakupitiyage, 2011. Production and economic efficiencies of intensive black tiger prawn (*Penaeus monodon*) culture during different cropping seasons in the Mekong delta, Vietnam. Aquaculture International. DOI: 10.1007/s10499-010-9371-2. Print **ISSN 0967-6120, online ISSN 1573-143X**.
- 26) J. D. Kim, T. M. Nhut, **T.N. Hai** and C.S. Ra., 2011. Effect of dietary essential oils on growth, feed utilization and meat yields of white leg shrimp *L. vannamei*. Asian-Aust. J. Anim. Sci., Vol 24, No. 8, 1136-1141. **pISSN: 1011-2367, eISSN: 1976-5517**
- 27) **Trần Ngọc Hải**, Lê Quốc Việt, Lý Văn Khánh và Cao Mỹ Ân, 2011. Ảnh hưởng của các loại thức ăn khác nhau lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá ngát giai đoạn giống (*Plotosus canius* Hamilton, 1882). Tạp chí Khoa học – Đại học Cần Thơ, số 18b, 254-261. **ISSN:1859-2333**
- 28) Lâm Văn Tùng, Phạm Công Khinh, Trương Hoàng Minh, **Trần Ngọc Hải**, 2012. Hiệu quả tài chính và phương thức liên kết của các cơ sở nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) thâm canh ở tỉnh Bến Tre và tỉnh Sóc Trăng. Tạp chí Khoa học - Đại học Cần Thơ, số 24a, 78-87. **ISSN:1859-2333**
- 29) **Trần Ngọc Hải**, Trần Minh Nhứt và Trần Nguyễn Duy Khoa, 2012. Kết quả bước đầu trong ương nuôi ấu trùng tôm mũ ni với các chế độ cho ăn khác nhau. Tạp chí Khoa học – Trường Đại học Cần Thơ, số 21b, 133-140. **ISSN:1859-2333**
- 30) Nguyễn Vĩnh Tiến, Nguyễn Chí, Lê Hoàng Phương, Võ Lê Thanh Trúc, **Trần Ngọc Hải**, 2013. Nghiên cứu nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh trong hệ thống bể tuần hoàn. Tạp chí nông nghiệp & phát triển nông thôn, số 23, 75-81. **ISSN 1859-4581**
- 31) **Trần Ngọc Hải**, Lê Quốc Việt, Lý Văn Khánh, Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Anh Tuấn, 2013. Nghiên cứu sản xuất giống các loài cá nước lợ - mặn bản địa ở đồng bằng sông cử Long. Tạp chí nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn, 12, 143-148. **ISSN 1859-4581**
- 32) **Trần Ngọc Hải**, Đặng Khánh Hồng, Trần Nguyễn Duy Khoa và Lê Quốc Việt, 2013. Ương ấu trùng cá bớp (*Rachycentron canadum*) với các loại thức ăn khác nhau. Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ, số 25, 43-49. **ISSN:1859-2333**

- 33) **Tran Ngoc Hai**, Le Quoc Viet, Tran Nguyen Duy Khoa, Nguyen Thanh Trung, Ly Van Khanh and Nguyen Anh Tuan, 2013. Advances in seed production of *Cobia (Rachycentron canadum)* in the Mekong Delta of Viet Nam. International Fisheries Symposium – IFS2012 “ Sharing knowlegdge for sustainable aquaculture and fisheries in the South – East Asia”. Can Tho, 6 – 8th December 2012. Agriculture Pubishing House, 2013, 84-90. **ISBN: 8935217212392**
- 34) **Trần Ngọc Hải**, Trần Minh Nhứt, Châu Tài Tảo, 2014. Đánh giá sự tăng trưởng và sinh sản của một số nguồn tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) ở các tỉnh phía nam. Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ, số chuyên đề thủy sản (Tập 2), 101-107, **ISSN 1859-2333**
- 35) **Tran Ngoc Hai**, Pham Minh Duc, Vo Nam Son, Truong Hoang Minh, Nguyen Thanh Phuong, 2015. Innovation in shrimp seed production and farming in Vietnam. World Aquaculture, 46(1): 32-37. **ISSN 1041-5602.**
- 36) Roel H Bosma, Tin H. Nguyen, Audrie J. Siahainenia, Ha T. P. Tran and **Tran Ngoc Hai**, 2016. Shrimp – based livelihoods in mangrove silvo – aquaculture farmig systems. Reviews in aquaculture 8, 43-60. **ISSN 17-53-5123. ISI (IF: 7.139)**
- 37) **Trần Ngọc Hải**, Lê Quốc Việt. 2016. Ứng dụng công nghệ biofloc ương tôm sú (*Penaeus monodon*) giống với các mật độ khác nhau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ số 47b, 96-101, **ISSN 1859-2333**
- 38) Lê Thị Phương Mai, Võ Nam Sơn, Dương Văn Ni và **Trần Ngọc Hải**, 2016. Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và giải pháp ứng phó trong mô hình tôm sú quảng canh cải tiến ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ số 42a, 28-39, **ISSN 1859-2333**
- 39) **Trần Ngọc Hải**, Trần Văn Ghe, Cao Mỹ Án và Lê Quốc Việt. 2016. Ảnh hưởng của tỷ lệ C:N khác nhau lên tăng trưởng, tỷ lệ sống và chất lượng của cá rô phi (*Oreochromis niloticus*) nuôi theo công nghệ biofloc. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ số 46b, 103-110. **ISSN 1859-2333**
- 40) **Trần Ngọc Hải** và Lê Quốc Việt, 2017. Đánh giá khả năng thay thế Artemia bằng thức ăn nhân tạo trong ương ấu trùng của biền (*Sylla paramamosain*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ 49b, 122-127, **ISSN 1859-2333**
- 41) **Tran Ngoc Hai**, Huong, H.K., Viet, L.Q., Huong, D.T.T. and Phuong, N.T., 2017. Giant freshwater prawn (*Macrobrachium rosenbergii* de Man, 1879) farming in brackish water areas of the Mekong Delta, Vietnam. Can Tho University Journal of Science. 7: 82-90. **ISSN 1859-2333.**
- 42) **Trần Ngọc Hải**, Châu Tài Tảo, 2017. Ảnh hưởng của độ mặn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng ba khía (*Sesarma sederi*). Tạp chí NN & PTNT số 3+4/2017, 183-189, **ISSN 1859-4581**
- 43) **Trần Ngọc Hải**, Châu Tài Tảo, Nguyễn Văn Đầy, 2018. Nghiên cứu ương ấu trùng tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) bằng công nghệ Bioflocs với các nguồn carbon khác nhau. Tạp chí Khoa học công nghệ nông nghiệp Việt Nam. Số 10 (95) (2018), trang: 125-129. **ISSN: 1859-0004.**
- 44) Nguyen Thị Ngọc Anh, Tran Thi Thanh Hien, **Tran Ngoc Hai**, 2018. Effects of partial replacement of fishmeal protein with green seaweed (*Cladophora* spp.) protein in practical diets for the black tiger shrimp (*Penaeus monodon*) postlarvae. Journal of Applied Phycology. 30 (2018) pp: 2649-2658. **ISSN 0921-8971, Scopus, SCI, IF 2.635**

- 45) Dang Diem Tuong, Tran Bao Ngoc, Vo Thi Nhu Huynh, Do Thi Thanh Huong, Nguyen Thanh Phuong, **Tran Ngoc Hai**, Tobias Wang, Mark Bayley, 2018. Clown knifefish (*Chitala ornata*) oxygen uptake and its partitioning in present and future temperature environments. *Comparative Biochemistry and Physiology Part A: Molecular & Integrative Physiology*, Volume 216, February 2018, Pages 52-59. **ISSN: 1095-6433, ISI (IF: 1.67).**
- 46) Nguyễn Thị Ngọc Anh, **Trần Ngọc Hải**, Lam Mỹ Lan, Bùi Nguyễn Thu An, 2019. Integrating different densities of white leg shrimp *Litopenaeus vannamei* and red seaweed *Gracilaria tenuistipitata* in the nursery phase: effects on water quality and shrimp performance. *Journal of Applied Phycology*, Volume 31, Number 5 (2019), pp: 3223-3234. **ISSN: 0921-8971 (Print) 1573-5176 (Online), SCI - IF 2.635.**
- 47) **Trần Ngọc Hải**, Trần Thị Thanh Hiền, Trương Quốc Phú, Trần Thị Tuyết Hoa, Lê Quốc Việt, Lý Văn Khánh, Trần Nguyễn Duy Khoa và Châu Tài Tảo, 2019. Nghiên cứu bổ sung nguồn carbon ở các giai đoạn khác nhau trong ương ấu trùng tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) bằng công nghệ biofloc. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 55(3B): 141-148.
- 48) **Tran Ngoc Hai***, Chau Tai Tao, Tran Nguyen Duy Khoa, Ly van Khanh and Nguyen Thi Ngoc Anh, 2020. Nursery of the Black Tiger Shrimp *Penaeus Monodon* Postlarvae in a Biofloc System with Different Carbon Sources. *Oceanography & Fisheries Open Access Journal (OFOAJ)*. Volume 11 Issue 5 - February 2020. pp. 0077-0084. **ISSN: 2476-0536.** DOI: 10.19080/OFOAJ.2020.11.555821
- 49) Tran Nguyen Duy Khoa*, Chau Tai Tao, Ly Van Khanh, **Tran Ngoc Hai***, 2020. Super-intensive culture of white leg shrimp (*Litopenaeus vannamei*) in outdoor biofloc systems with different sunlight exposure levels: Emphasis on commercial applications. *Aquaculture*, Volume 524, 15 July 2020, 735277. **ISSN: 0044-8486. ISI, IF 3.022**
- 50) Phạm Minh Truyền, Lê Thanh Nghị, Châu Tài Tảo, Nguyễn Văn Hòa, **Trần Ngọc Hải**, 2020. Nghiên cứu ương ấu trùng tôm càng xanh theo công nghệ Bioflocs với các tỷ lệ C/N khác nhau. *Tạp chí Khoa học Công nghệ nông nghiệp Việt Nam*. Số 1 (110) 2020. Trang 102-108. **ISSN 1859-1558.**
- 51) Châu Tài Tảo, Trần Nguyễn Duy Khoa, Nguyễn Văn Hòa, **Trần Ngọc Hải**, 2020. Nghiên cứu ương ấu trùng tôm chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) theo công nghệ biofloc với các nguồn carbon bổ sung khác nhau. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 56 (Số chuyên đề: Thủy sản) (2): 29-36.
- 52) **Tran Ngoc Hai**, Nguyen Thanh Phuong, Nguyen Van Hoa, Nguyen Thi Ngoc Anh, Ly Van Khanh, Le Quoc Viet, Chau Tai Tao, Ngo Thi Thu Thao, Patrick Sorgeloos. 2020. PROMOTING COASTAL AQUACULTURE FOR ADAPTATION TO CLIMATE CHANGE AND SALTWATER INTRUSION IN THE MEKONG DELTA, VIETNAM. *World Aquaculture*. 6/2020. 19-26
- 53) Nguyen Thi Ngoc Anh, **Tran Ngoc Hai**, Lam My Lan, Nguyen Hoan Vinh, Bui Nuyen Thu An, 2020. POLYCULTURE CULTURE OF BLACK TIGER SHRIMP *PENAEUS MONODON* AND RED SEAWEED *GRACILARIA TENUISTIPITATA* UNDER DIFFERENT DENSITIES: EFFECTS ON WATER QUALITY, POST-LARVAE PERFORMANCE AND THEIR RESISTANCE AGAINST *VIBRIO PARAHAEMOLYTICUS*. *Journal of Applied Phycology*. 32. 4333–43
- 54) Nguyen Minh Khiem, Yuki Takahashi, Dang Thi Hoang Oanh, **Tran Ngoc Hai**, Hiroki Yasuma, Nobuo Kimura, 2020. The use of machine learning to predict acute

- hepatopancreatic necrosis disease (AHPND) in shrimp farmed on the east coast of the Mekong Delta of Vietnam. *Fisheries Science*, Volume 86, pages 673–683(2020).
- 55) Tran Huu Tinh, Tom Koppenol, **Tran Ngoc Hai**, Johan AJ Verreth, Marc CJ Verdegem, 2021. Effects of carbohydrate sources on a biofloc nursery system for whiteleg shrimp (*Litopenaeus vannamei*). *Aquaculture* Volume 531, 30 January 2021, 735795. <https://doi.org/10.1016/j.aquaculture.2020.735795>
- 56) Tran Huu Tinh, **Tran Ngoc Hai**, Johan AJ Verreth, Marc CJ Verdegem, 2021. Effects of carbohydrate addition frequencies on biofloc culture of Pacific white shrimp (*Litopenaeus vannamei*). *Aquaculture*. Volume 534, 15 March 2021, 736271. <https://doi.org/10.1016/j.aquaculture.2020.736271>.
- 57) Nguyen Minh Khiem, Yuki Takahashi, Hiroki Yasuma, Dang Thi Hoang Oanh, **Tran Ngoc Hai**, Vu Ngoc Ut, Nobuo Kimura, 2022. Use of GIS and machine learning to predict disease in shrimp farmed on the east coast of the Mekong Delta, Vietnam. *Fisheries Science*, 2022, 88(1-13)
- 58) Nguyen Thi Ngoc Anh, Nguyen Hoang Vinh, Dang Trung Doan, Lam My Lan, Akira Kurihara, **Tran Ngoc Hai**, 2022. Co-culture of red seaweed *Gracilaria tenuistipitata* and black tiger shrimp *Penaeus monodon* in an improved extensive pond at various stocking densities with partially reduced feed rations: a pilot-scale study. *Journal of Applied Phycology*, 34, pages 1109–1121 (2022)

Sách – giáo trình

1. Nguyễn Thanh Phương, **Trần Ngọc Hải**, Trần Thị Thanh Hiền, Marcy Wider, 2003. **Nguyên lý và kỹ thuật sản xuất giống tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*)**. NXB Nông Nghiệp TP HCM, 2003. Giấy chấp nhận đề tài xuất bản số 121/XB-QLXB – CXB cấp ngày 28/01/2003. Nộp lưu chiểu Quý IV, 2003
2. **Trần Ngọc Hải, Nguyễn Thanh Phương, 2009**. Nguyên lý và kỹ thuật nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*). NXB Nông Nghiệp TP HCM, 2009. Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 86-2009/CXB/ 148-02/NN, do CXB cấp ngày 02/02/2009. Nộp lưu chiểu Quý II, 2009. 203 trang.
3. **Trần Ngọc Hải (CHỦ BIÊN)**, Châu Tài Tảo, Nguyễn Thanh Phương, 2017. **Giáo trình Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác**. Nhà Xuất Bản Đại Học Cần Thơ, 2017. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 157-2017/CXBIPH/30-03/NXB ĐHCT. ISBN: 978-604-919-833-5. Nộp lưu chiểu Quý 4 năm 2017. 211 trang
4. **Tran Ngoc Hai**, Truong Hoang Minh, Truong Quoc Phu, 2016. **Chapter 8 - Shrimp Industry in Vietnam**. In *Progress of shrimp and Prawn Aquaculture in the World*. I Chiu Liao, Nai-Hsien Chao and Leano (Editors). Published by: National Taiwan Ocean University, Keelung, Taiwan, The Fisheries Society of Taiwan, Keelung, Taiwan; Asian Fisheries Society; Manila, Philippines; World Aquaculture Society, Louisiana, USA. **ISBN 978-986-04-7656-9. 181-204 pp**
5. **Trần Ngọc Hải**, Lê Quốc Việt, Lý Văn Khánh, Nguyễn Thanh Phương, 2017. **Giáo trình Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá biển**. Nhà Xuất Bản Đại học Cần Thơ, 2017. Số xác nhận đăng ký XB: 3366-2017/CXBIPH/1-105/NXB ĐHCT. ISBN: 978-604-919-937-0. Nộp lưu chiểu Quý 4/ 2017. 139 trang.

6. **Trần Ngọc Hải, 2017. Nguyên lý và Kỹ thuật nuôi cua biển.** NXB Nông nghiệp, 2017. Số xác nhận đăng ký XB: 3305-2017/CXBIPH/2-208/NN ngày 29/9/2017. ISBN: 978-604-2606-8. Nộp lưu chiểu quý IV/2017. 138 trang.
7. **Trần Ngọc Hải, Châu Tài Tảo, 2020. Kỹ thuật ương ấu trùng tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) theo công nghệ Biofloc.** NXB Nông nghiệp, 32 trang. ISBN: 9786046032786
8. **Trần Ngọc Hải, Châu Tài Tảo, 2021. Nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) quảng canh cải tiến theo hai giai đoạn áp dụng công nghệ Bioflocs.** NXB Nông nghiệp, 32 trang. ISBN: 978604603284
9. **Trần Ngọc Hải, Châu Tài Tảo, 2021. Nuôi tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) siêu thâm canh ứng dụng công nghệ Bioflocs.** NXB Nông nghiệp, 32 trang. ISBN: 9786046033059

3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):

Google scholar: h-index:14; i10-index: 24

3.4. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: **Tiếng Anh**
- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: **Tốt**

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 10 tháng 5 năm 2023

NGƯỜI KHAI

Trần Ngọc Hải